

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 93/2024/HS-PT

Ngày 15-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Thúy

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy;

Ông Lưu Văn Tỉnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm kín vụ án hình sự thụ lý số 65/2024/TLPT-HS ngày 06 tháng 5 năm 2024.

Do bản án hình sự sơ thẩm 17/2024/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 73/2024/QĐXXPT-HS ngày 30 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2024/QĐXXPT-HS ngày 27 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Vũ Văn D, sinh ngày 23 tháng 3 năm 1997 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn B, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Vũ Văn T và bà Vũ Thị D1; có vợ là Cao Thị Thu P, sinh ngày 27/6/2004 (chưa đăng ký kết hôn) và 01 con, sinh năm 2021; tiền sự, tiền án: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/9/2023 đến nay; có mặt.

- Bị hại có kháng cáo: Chị Cao Thị Thu P, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2004; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Số B P, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo bản án hình sự sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:*

Tháng 11/2019, qua mạng xã hội Facebook, Vũ Văn D và chị Cao Thị Thu P quen biết và phát sinh tình cảm với nhau. Do cả hai cùng có tình cảm, xác định khi P đủ tuổi sẽ tổ chức đăng ký kết hôn, nên trong các ngày 29/01/2020 và 20/5/2020, D và P 03 lần tự nguyện quan hệ tình dục với nhau, cụ thể:

Tối ngày 28/01/2020, Vũ Văn D và chị Cao Thị Thu P đi chơi đến 02 giờ ngày 29/01/2020 (thời điểm này, chị P mới 15 tuổi 07 tháng 02 ngày) D chở chị P về nhà D ở thôn B, xã K, bố mẹ D không có nhà nên D và P lên giường nằm ôm nhau, sau đó cả hai tự cởi quần áo và quan hệ tình dục với nhau. Đến khoảng 03 giờ ngày 29/01/2020, D và chị P lại tiếp tục quan hệ tình dục lần thứ hai.

Khoảng 21 giờ ngày 20/5/2020 (lúc này, chị P được 15 tuổi 10 tháng 23 ngày), D đến nhà chị P chơi nhưng bố mẹ chị P không có nhà. D và chị P đi lên phòng ngủ của chị P ở trên tầng hai nằm ôm nhau, cả hai tự cởi quần áo rồi quan hệ tình dục; sau đó, D đi về nhà.

Ngày 05/7/2020, chị P phát hiện có thai, đã thông báo cho D biết. D xác định trách nhiệm của mình với chị P nên chở chị P đến phòng khám chuyên khoa, kết quả siêu âm, chuẩn đoán hình ảnh chị P mang thai 6,5 tuần. D và chị P nói với bố mẹ hai bên về quan hệ tình cảm của mình và mong muốn được kết hôn. Đến ngày 26/9/2020, gia đình hai bên đã tổ chức đám cưới đơn giản theo phong tục truyền thống của địa phương, để đón chị P về nhà D ở nhưng chưa đi đăng ký kết hôn. Ngày 20/02/2021, chị P sinh con trai đặt tên là Cao Quốc K (sau đổi thành Vũ Quốc K1). Quá trình chung sống, chị P và D phát sinh mâu thuẫn. Ngày 06/6/2023, chị P gửi đơn tố cáo Vũ Văn D về hành vi giao cấu với chị P khi chị P chưa đủ 16 tuổi đến Cơ quan Công an huyện T và giao nộp 01 phiếu siêu âm của phòng khám chuyên khoa ở thôn P, xã B, huyện T. Ngày 21/8/2023, bác sỹ Nguyễn Thị V đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T 02 tờ giấy có nội dung ghi nhận thông tin các lần chị Cao Thị Thu P đến siêu âm tại phòng khám.

Kết luận giám định xâm hại tình dục số 370/2023/KLHTD-TTPYHP ngày 07/6/2023 của Trung tâm P1, kết luận: “Cao Thị Thu P không có dấu vết thương tích, màng trinh rách cũ, giãn rộng, hiện tại nạn nhân không có thai, không có xác tình trùng trong âm đạo”.

Kết luận giám định số 7516/KL-KTHS ngày 03/11/2023 của V1 Bộ C, kết luận: “Cháu Vũ Quốc K1 là con đẻ của Vũ Văn D”.

Kết quả xét nghiệm của Trung tâm y tế huyện T, kết luận: Vũ Văn D âm tính với virus HIV.

Tại Cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 31/01/2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng đã truy tố Vũ Văn D về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”, theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; căn cứ vào Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự; căn cứ khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Văn D phạm tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

2. Xử phạt bị cáo Vũ Văn D 03 (Ba) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Vũ Văn D cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện T thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chế độ án treo, nghĩa vụ chấp hành án treo đối với bị cáo, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại là chị Cao Thị Thu P kháng cáo không đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm, cụ thể:

- Không đồng ý về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có thái độ ăn năn hối cải do chưa có lời lẽ biết lỗi với bị hại và bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại nhưng lại giao tiền cho bố của bị hại trong khi bố bị hại và bị hại không sống chung và nay bị hại đã thành niên chưa nhận được khoản tiền này nên không được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ này; bị cáo có ông ngoại là người có công với nước, bị nhiễm chất độc hóa học do tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, hiện nay bị cáo đang ở cùng ông bà ngoại, cũng có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng hai cậu ruột bị bại liệt không là tình tiết giảm nhẹ do đã có chế độ chính sách của nhà nước; bị cáo đang nuôi con nhỏ là do gia đình bị cáo yêu cầu bị hại phải trả con nên bị hại đồng ý nhưng vẫn đều đặn thăm nuôi cháu song do gia đình bị cáo ngăn cản. Ngoài ra, yêu cầu xem xét các nhận định khác của Tòa án cấp sơ thẩm như: Việc Hội Liên hiệp phụ nữ xã K có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là không đúng chức năng và cho rằng bị cáo phạm tội lần đầu, hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ việc có quan hệ tình cảm yêu đương với bị hại, sau khi phạm tội bị cáo luôn có trách nhiệm với hậu quả mà bị cáo gây ra là sai vì thời

điểm phạm tội bị cáo là người có nhận thức pháp luật nhưng lợi dụng việc bị hại còn nhỏ tuổi để có tình cảm yêu đương và thực hiện hành vi phạm tội.

- Về hình phạt: Hội đồng xét xử sơ thẩm đã căn cứ điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo 03 năm cải tạo không giam giữ là quá nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả gây ra nên đề nghị xét xử bị cáo với mức án cao nhất.

Quá trình giải quyết phúc thẩm, bị hại cung cấp lời khai và trình bày quan điểm: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không được xét xử kín mà phải xét xử công khai; mặc dù, tại cấp sơ thẩm, bị hại không yêu cầu bồi thường nhưng đến nay yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần, danh dự là 50.000.000 đồng.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị cáo Vũ Văn D trình bày hành vi của mình phù hợp nội dung bản án sơ thẩm, ăn năn hối cải và mong muốn khắc phục, bồi thường thiệt hại, xin lỗi bị hại đồng thời cung cấp thêm các tài liệu: Đơn xin bảo lãnh của gia đình; đơn xin được cải tạo ngoài xã hội; biên lai thu tiền số 0000641 ngày 15 tháng 7 năm 2024 bị cáo Vũ Văn D nộp số tiền 30.000.000 đồng tại Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng để bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại.

Bị hại vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai không có văn bản nêu rõ lý do.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:*

Tại phiên tòa bị hại là người kháng cáo vắng mặt không vì lý do bất khả kháng, bị cáo có mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị hại. Tại phiên tòa, bị cáo cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới là biên lai nộp tiền bồi thường cho bị hại và đơn xin bảo lãnh của gia đình. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; căn cứ Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng về mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo; đồng thời ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo đối với bị hại số tiền đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng. Bị cáo, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của bị hại Cao Thị Thu P trong thời hạn luật định, hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về việc vắng mặt của bị hại: Xét bị hại là người kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy, người kháng cáo là bị hại vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan nên căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Hình sự, quyết định xét xử vắng mặt bị hại.

[3] Đối với yêu cầu của bị hại là chị Cao Thị Thu P đề nghị xét xử vụ án công khai. Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ Điều 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự và hướng dẫn tại điểm d khoản 1 Điều 7 Thông tư số 02/2018/TT-TANDTC ngày 21/8/2018 của Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết việc xét xử vụ án hình sự có người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi thuộc thẩm quyền của Tòa Gia đình và người chưa thành niên: *“d) Đối với những vụ án có người bị hại là người dưới 18 tuổi bị xâm hại tình dục, bị bạo hành hoặc bị mua bán thì Tòa án phải xét xử kín”*. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận đề nghị của bị hại về việc đưa vụ án ra xét xử công khai.

- Về nội dung:

[4] Về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo: Căn cứ lời khai của bị cáo; lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào các ngày 29/01/2020 và 20/5/2020, tại nhà Vũ Văn D và nhà chị Cao Thị Thu P đều ở xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng, Vũ Văn D đã 03 lần giao cấu với chị Cao Thị Thu P, sinh ngày 27/6/2004 (lần thứ nhất và lần thứ hai, chị P mới 15 tuổi 07 tháng 02 ngày; lần thứ ba, chị P được 15 tuổi 10 tháng 23 ngày), làm chị P có thai; đến ngày 20/02/2021, chị P sinh con đặt tên là Vũ Quốc K1. Mặc dù, Vũ Văn D đã nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu có sự đồng ý của chị P do hai người có quan hệ tình cảm, tuy nhiên khi đó, D là người đã từ đủ 18 tuổi trở lên còn chị P từ đủ 13 tuổi nhưng dưới 16 tuổi, làm chị P có thai. Vì vậy, hành vi của Vũ Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”, tội phạm và tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự.

[5] Bị hại không kháng cáo về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng đã truy tố và Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”, với các tình tiết định khung hình phạt: “Phạm tội 02 lần trở lên, làm nạn nhân có thai” là có căn cứ và đúng với quy định của pháp luật.

- Xét kháng cáo của bị hại:

[6] Đối với kháng cáo của bị hại về việc buộc bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự:

Xét thấy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng đã truy tố và Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”, với các tình tiết định khung hình phạt: Phạm tội 02 lần trở lên, làm nạn nhân có thai. Các tình tiết này đã được xác định là tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự và bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội danh và điều luật nêu trên. Tại khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự quy định: “2. Các tình tiết đã được Bộ luật này quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật.

[7] Đối với kháng cáo của bị hại cho rằng, bị cáo không có thái độ ăn năn hối cải do chưa có lời lẽ biết lỗi với bị hại và bồi thường cho bố của bị hại nhận là không đúng người. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn, khai nhận về hành vi phạm tội của mình và mong muốn sửa chữa, cải tạo thành người tốt và bù đắp những tổn thất, thiệt hại, ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình gây ra. Tuy nhiên, việc bị cáo và gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại nhưng lại giao tiền cho bố bị hại trong khi bố bị hại và bị hại không sống chung cùng nhau và nay bị hại đã thành niên nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ bị hại chưa nhận được khoản tiền này là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tự nguyện tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng nhưng do bị hại vắng mặt nên đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng để bồi thường cho bị hại. Do đó, việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và hướng dẫn tại Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[8] Ngoài ra, bị hại cho rằng việc bị cáo có ông ngoại là người có công với nước, bị nhiễm chất độc hóa học do tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, hiện nay bị cáo đang ở cùng ông bà ngoại, cũng có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng hai cậu ruột bị bại liệt không phải là tình tiết giảm nhẹ do đã có chế độ chính sách của nhà nước đối với người có công, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo hướng dẫn tại Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao quy định những trường hợp cụ thể được áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự thì “...trong quá trình xét xử, Tòa án có thể tham khảo quy định tại điểm c mục 5 Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 4/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để xác định tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, khi xét xử, tùy từng trường hợp cụ thể và hoàn cảnh cụ thể của người phạm tội mà còn có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ trong bản án”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình

sự do có ông ngoại là người có công với nước, cùng có công chăm sóc người bị nhiễm chất độc màu da cam là có căn cứ pháp luật.

[9] Đối với kháng cáo của bị hại cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định một số vấn đề không đúng như: “bị cáo đang nuôi con nhỏ”, “Hội Liên hiệp phụ nữ xã K có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo”, “hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ việc có quan hệ tình cảm yêu đương với bị hại, sau khi phạm tội bị cáo luôn có trách nhiệm với hậu quả mà bị cáo gây ra”, “bị cáo phạm tội lần đầu”. Hội đồng xét xử nhận thấy những vấn đề này là thực tế, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá và nhận định. Bị cáo hiện đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bị cáo và bị hại là cháu Vũ Quốc K1. Các vấn đề khác như việc gia đình bị cáo yêu cầu bị hại phải trả con hoặc ngăn cản quyền thăm nom con chung... không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này nên không đặt vấn đề xem xét. Ngoài ra, bị hại cho rằng thời điểm phạm tội bị cáo là người có nhận thức pháp luật nhưng lợi dụng việc bị hại còn nhỏ tuổi để có tình cảm yêu đương và thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo mới phải chịu trách nhiệm hình sự và bị truy tố, xét xử trong vụ án. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận các quan điểm như trên của bị hại.

[10] Đối với kháng cáo về hình phạt của bị hại cho rằng Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự tuyên phạt 03 năm cải tạo không giam giữ là quá nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả gây ra nên đề nghị xét xử bị cáo với mức án cao nhất: Căn cứ tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy, bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án tiền sự, hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ việc giữa bị cáo và bị hại có quan hệ tình cảm yêu đương tự nguyện. Sau khi bị hại có thai, bị cáo đã xác định được trách nhiệm với hậu quả mà bị cáo gây ra, hai bên gia đình đã tổ chức cưới theo phong tục và cả hai đã chung sống với nhau như vợ chồng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và bị hại mới tố cáo, yêu cầu xử lý bị cáo; mặt khác, bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có ý thức khắc phục hậu quả; có đơn xin bảo lãnh của gia đình.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo hình phạt ở mức khởi điểm của khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự và áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình, chính quyền địa phương, để bị cáo có cơ hội cải tạo cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung là có căn cứ.

[11] Xét kháng cáo về việc bồi thường thiệt hại: Quá trình giải quyết phúc thẩm, bị hại yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần, danh dự là 50.000.000 đồng.

Xét thấy, tại cấp sơ thẩm, bị hại không yêu cầu bồi thường. Việc bị cáo tác động gia đình bồi thường cho bị hại nhưng lại giao tiền cho bố đẻ của bị hại là ông Cao Văn Đ là chưa đúng. Tuy nhiên, theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, căn

cứ phạm vi xét xử, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét, giải quyết những vấn đề đã được giải quyết tại cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị; đáng lẽ Tòa án cấp phúc thẩm không đặt vấn đề xem xét, giải quyết về việc bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, bị cáo vẫn có ý thức và nguyện vọng được tiếp tục bồi thường thiệt hại cho bị hại. Đây là sự tự nguyện của bị cáo không trái quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 592 của Bộ luật Dân sự 2015 định mức bồi thường tổn thất tinh thần do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm thì mức tối đa cho một người có danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm không quá mười lần mức lương cơ sở. Căn cứ quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ thì mức lương cơ sở từ ngày 01/7/2024 là 2,34 triệu đồng/tháng. Do đó, mức tối đa đáng lẽ bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 23.400.000 đồng song bị cáo Vũ Văn D đã tự nguyện nộp bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền là 30.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000641 ngày 15/7/2024 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này và tuyên trả cho bị hại Cao Thị Thu P số tiền trên theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

[12] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị hại; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Vũ Văn D. Tuy nhiên, do bị cáo D tiếp tục bồi thường thiệt hại cho bị hại nên cần căn cứ Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa một phần bản án sơ thẩm về việc ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của bị cáo đối với bị hại và tuyên trả cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng do bị cáo đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng là có căn cứ.

[13] Về án phí: Bị cáo, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và dân sự.

[14] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị hại; sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Văn D phạm tội “Giao cầu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

2. Xử phạt bị cáo Vũ Văn D 03 (Ba) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Vũ Văn D cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện T thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 36 của Luật xuất, nhập cảnh của công dân Việt Nam: Tạm hoãn xuất cảnh đối với Vũ Văn D trong thời gian thử thách.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Vũ Văn D, tại Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số 06/2024/HSST-QĐ ngày 23/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng.

3. Về việc bồi thường: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Vũ Văn D về việc bồi thường cho chị Cao Thị Thu P số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Chị Cao Thị Thu P được nhận lại số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0000641 ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng.

4. Về án phí: Bị cáo, bị hại không phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự.

5. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HP;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- PV27 Công an TP.HP;
- Cơ quan CSĐT huyện Tiên Lãng;
- Cơ quan THAHS huyện Tiên Lãng
- TAND huyện Tiên Lãng;
- Sở Tư pháp TP;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Vân Thúy